

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS- ST

Ngày 21-3-2024

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Hương;

Bà Trần Thị Minh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà BLúp Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, tên gọi khác: Võ Thị N, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q, có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm: 1991 và ông Nguyễn Quang H, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Số nhà 102 đường Q, tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện P, tỉnh Q, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 24/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày như sau:

Bà Võ Thị L là người giữ con cho bà Võ Thị V, nên ngày 06/4/2020, bà Võ Thị L cho vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H mượn số tiền là 30.000.000 đồng, khi mượn tiền thì bà V có viết Giấy mượn tiền và ông H ký vào giấy (Trong giấy mượn tiền ghi mượn của chị Võ Thị N, vì tên thường gọi của bà Võ Thị L là Võ Thị N). Vợ chồng bà V hẹn đến ngày 06/5/2021 sẽ hoàn trả lại cho bà L, nhưng đến ngày hẹn bà L đã đến nhà bà V để đòi nhiều lần nhưng bà V và ông H không trả nợ, hiện nay hoàn cảnh gia đình bà L khó khăn. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà V, ông H trả lại cho bà số tiền đã mượn 30.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H trình bày:

Vào ngày 06/4/2020, bà Võ Thị V và chồng là Nguyễn Quang H có mượn của bà Võ Thị N số tiền là 30.000.000 đồng và hai vợ chồng đã trả đúng thời gian và ngày ghi trên giấy mượn tiền (06/5/2021). Bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H mượn tiền của bà Võ Thị N khác chứ không mượn tiền của bà Võ Thị L, khi trả tiền cho bà Võ Thị N thì bà V có lấy lại giấy mượn tiền (Giấy mượn tiền hiện bà L đã nộp cho Tòa án). Bà Võ Thị L là bà Võ Thị N có giữ con cho vợ chồng bà V, ông H, nhưng vợ chồng bà V, ông H không mượn tiền của bà Võ Thị L, không biết lý do tại sao bà L lại có giấy mượn tiền để khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, bà V và ông H không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Đối với nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải trả cho bà Võ Thị L số tiền đã mượn 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về việc giao nộp chứng cứ:* Các đương sự trong vụ án đều nhất trí với biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/11/2023.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

[3.1] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn:* Bà Võ Thị L yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H trả lại số tiền 30.000.000 đồng đã mượn, bà L đã cung cấp Giấy mượn tiền do bà V viết và ông H có ký, trong giấy mượn tiền ghi “*Vợ chồng tôi có mượn chị Võ Thị N số tiền 30.000.000 đồng y*”. Mặc dù, trong giấy mượn tiền bà V ghi có mượn tiền của chị Võ Thị N, nhưng do tên thường gọi của bà L là N, vì vậy khi cho bà V mượn tiền thì bà L yêu cầu bà V viết giấy mượn tiền ghi tên là Võ Thị N. Bà Võ Thị L khẳng định tên Võ Thị L và Võ Thị N là một người và việc này cũng đã được những người hàng xóm láng giềng, Tổ dân phố, Công an thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xác nhận. Do đó, có cơ sở để xác định bà Võ Thị N là bà Võ Thị L. Vì vậy, bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H trả lại số tiền đã mượn 30.000.000 đồng là có cơ sở.

[3.2] *Xét ý kiến của Bị đơn:* Vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H thừa nhận có mượn của bà Võ Thị N số tiền 30.000.000 đồng và đã trả hết cho bà N, vợ chồng bà V mượn của bà Võ Thị N khác chứ không mượn tiền của bà L, nên bà V và ông H không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị V đã xác nhận bà V và bà L có mối quan hệ quen biết, bà L giữ con cho bà V, lời khai này phù hợp với lời khai của bà Võ Thị L, vợ chồng bà V cũng đã thừa nhận có mượn tiền của bà Võ Thị N khác chứ không mượn tiền của bà Võ Thị L và đã trả hết số tiền đã mượn cho bà N, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc mượn và đã trả số tiền cho bà N khác. Theo như xác nhận của Công an thị trấn Khâm Đức thì bà Võ Thị N có tên trong giấy khai sinh là Võ Thị L và việc bà V mượn tiền bà N thực chất là mượn của bà L. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời khai của vợ chồng bà V và ông H.

[3.3] *Về lãi suất:* Giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Tại phiên tòa bà Võ Thị L cũng không yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị V phải trả lãi suất, nên không đề cập giải quyết, nếu vợ chồng bà V không trả nợ cho bà L thì phải chịu lãi suất theo qui định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải trả cho bà Võ Thị L số tiền đã mượn 30.000.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L, buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải trả cho bà Võ Thị L số tiền đã mượn 30.000.000 đồng. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L được chấp nhận nên vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị L.

Buộc vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải trả cho bà Võ Thị L số tiền đã mượn là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Vợ chồng bà Võ Thị V và ông Nguyễn Quang H phải chịu số tiền là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Võ Thị L số tiền 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011796 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Chi cục T.H.A;
- Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phan Thị Lan